

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS - ST
Ngày: 25 - 02 - 2025
V/v: “tranh chấp quyền sử dụng đất
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thạch và ông Trương Xuân Mâu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2024/TLST – DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐ – ST ngày 03/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phùng Công H**, sinh năm 1977; địa chỉ: **Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; Ông **H** có mặt.

Bị đơn: Ông **Phùng Đình H1**, sinh năm 1968; địa chỉ: **Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; Ông **H1** có mặt.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

+ UBND huyện Q, do ông **Nguyễn Ngọc T** - Chủ tịch U đã ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn T1**, Trưởng phòng TN-MT huyện tham gia tố tụng (Giấy ủy quyền số 227/GUQ-CT ngày 18/11/2024); địa chỉ: **thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; UBND huyện Q có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt số 174/UBND-TNMT ngày 21/02/2025.

+ UBND xã V do ông Đỗ M - Chủ tịch U đã ủy quyền cho ông Trần Hoàng N, công chức địa chính- nông nghiệp xã tham gia phiên tòa, ông N có mặt.

+ Bà Lê Thị T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; Bà T2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Phùng Công H trình bày: Bố ông là Phùng Văn H2, sinh năm 1945, mất năm 2002 và mẹ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947.

Ngày 01/7/1995 bố mẹ ông được UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 670055 tại thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11, có diện tích 500m², trong đó đất ở 200m², đất màu 300m², mang tên bố ông Phùng Văn H2. Cùng thời điểm ông Phùng Đình H1 (là anh trai của tôi) được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11, diện tích 700m², trong đó đất ở 200m², đất màu 500m².

Sau khi bố ông chết, năm 2014 gia đình ông họp bàn phân chia tài sản thừa kế và thống nhất giao thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng; đồng thời sau khi nhận được phần đất và tài sản trên đất, mẹ ông đồng ý tặng cho toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cho ông. Sau đó mẹ ông đã làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất nói trên cho ông theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2014, được UBND xã V chứng thực. Sau quá trình làm thủ tục thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đến ngày 22/6/2015 tôi được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 183362 tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66, có diện tích 789,3m², trong đó đất ở nông thôn 200m², đất trồng cây hàng năm khác 589,3m² mang tên Phùng Công H. Gia đình ông sau khi được mẹ tặng cho thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 đã sử dụng ổn định, không tranh chấp, diện tích đất có tăng thêm so với bản đồ giải thửa 299 là do trước đây bố ông khai phát hoang thêm bụi rậm xung quanh thửa đất. Phần diện tích tăng thêm sử dụng ổn định, không có tranh chấp.

Tuy nhiên, hiện nay khi thực hiện thủ tục đất đai liên quan đến giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên thì ông phát hiện thửa đất của gia đình ông đã được cấp không đúng vị trí trên bản đồ địa chính mà cấp chồng sang thửa đất của ông Phùng Đình H1, là anh trai của ông. Kiểm tra bản đồ địa chính thì thửa đất đúng là của gia đình ông trên bản đồ địa chính là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 66, có diện tích 1.077,9m², trong khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp tại thửa số 148, tờ bản đồ số 66, diện tích 789,3m².

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông **Phùng Đình H1** trả lại cho ông thửa đất số 182, tờ bản đồ số 66, diện tích 1.077m², trên đất không có tài sản gì nên không xử lý tài sản trên đất và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 183362 do **UBND huyện Q** cấp ngày 22/6/2015 cho ông **Phùng Công H** để cấp lại cho đúng vị trí số thửa, diện tích trên bản đồ địa chính.

*** Ý kiến của bị đơn, ông Phùng Đình H1 trình bày tại bản tự khai, hòa giải và tại phiên tòa:**

Ngày 01/7/1995, gia đình ông được **UBND huyện Q** cấp Giấy chứng nhận QSD đất lần đầu tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11 **xã V, huyện Q**. Ngày 22/6/2015, **UBND huyện Q** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 183362 mang tên **Phùng Công H**, chồng lên thửa đất của gia đình ông. Thửa đất của gia đình ông đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 670051, diện tích 700m², mang tên **Phùng Đình H1**. Sau khi phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cấp sai, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết nhằm bảo đảm quyền lợi cho các bên.

*** Ý kiến của bà Lê Thị T2 nhất trí với ý kiến của ông Phùng Đình H1.**

*** Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, UBND huyện Q:** Tại Công văn số 1326/UBND-TNMT ngày 31/10/2024 **UBND huyện Q**, tỉnh Quảng Bình có ý kiến như sau:

Theo Công văn số 167/CNVPĐK ngày 22/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện thì thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 (bản đồ giải thửa) diện tích 500m², tương ứng với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính năm 2010), diện tích 1.077,9m². Tuy nhiên, trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Phùng Công H**, đã lập hồ sơ và đề nghị cấp đổi thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 (bản đồ giải thửa) sang thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính năm 2010) là không đúng vị trí thửa đất mà ông **Phùng Công H** đang sử dụng. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính năm 2010) theo bản đồ giải thửa là thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11, đã được **UBND huyện** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành E 670051, ngày 01/7/1995 cho ông **Phùng Đình H1**.

Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BY 183362 để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

*** Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã V:** Ngày 01/7/1995, ông **Phùng văn H2** được **UBND huyện Q** cấp Giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành E 670055 tại thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 (bản đồ giải thửa 299)

có diện tích 500 m² (đất ở 200 m², đất màu 300 m²). Sau đó ông H2 chết, năm 2014 gia đình phân chia tài sản thừa kế và thống nhất tặng cho toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất cho ông H. Đến ngày 22/6/2015, ông H được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BY 183362 tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66, có diện tích 789,3 m². Ngày 01/7/1995, ông H1 được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận QSD đất tại thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11 tại xã V và từ đó đến nay chưa được cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất. Khi ông H1 làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất thì phát hiện ra thửa đất của ông đang sử dụng từ trước đến nay đã được cấp cho ông H. Do đó UBND xã đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành BY 183362 để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho người sử dụng đất theo quy định.

Ngày 17/01/2025, Tòa án đã tổ chức buổi thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất: Thửa đất số: 304, tờ bản đồ số 11 nay là thửa số 148, tờ bản đồ 66, xã V, huyện Q, có diện tích 789,3m² hiện do ông Phùng Đình H1 sử dụng. Trên thửa đất có các tài sản do ông H1 xây dựng: 01 ngôi nhà 01 tầng diện tích 122,7 m², 01 nhà tạm diện tích 37,2m², 01 công trình phụ diện tích 10,6 m²;

Thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 nay là thửa số 182, tờ bản đồ số 66 có diện tích 1.078,1m² do ông Phùng Công H quản lý, sử dụng trên đất không có tài sản gì.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:* Về tố tụng: Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106, Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Công H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY183362 do UBND huyện Q cấp ngày 22/6/2015 tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66, xã V đứng tên ông Phùng Công H để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất theo quy định; đương sự chịu án phí, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất”, theo khoản 5 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

1.2 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, có mặt các bên đương sự, UBND huyện Q có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Về nguồn gốc thửa đất số: 304, tờ bản đồ số 11 nay là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 và thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 nay là thửa đất số 182, tờ bản đồ số 66 xã V, huyện Q và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và trình bày của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì xác định như sau:

Đối với thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11 xã V, huyện Q do UBND huyện Q cấp lần đầu cho ông Phùng Đình H1 vào ngày 01/7/1995, Giấy chứng nhận QSD đất số E 670051, diện tích 700m² (trong đó 200 m² đất ở, đất vườn 500 m²), quá trình sử dụng đất, ông H1 và gia đình đã xây dựng nhà ở ổn định cho đến nay. Theo bản đồ địa chính năm 2010 và bản đồ địa chính năm 2022 thì thửa đất có số thửa 148, tờ bản đồ số 66.

Đối với thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 xã V, huyện Q do UBND huyện Q cấp lần đầu cho ông Phùng Văn H2 vào ngày 01/7/1995, Giấy chứng nhận QSD đất số E 670055, diện tích 500m² (trong đó 200 m² đất ở, đất vườn 300 m²), Theo bản đồ địa chính năm 2010 và bản đồ địa chính năm 2022 thì thửa đất có số thửa 182, tờ bản đồ số 66. Quá trình sử dụng đất đến năm 2002 ông Phùng Văn H2 chết. Năm 2014 vợ và các con của ông H2 gồm: Bà Nguyễn Thị L (vợ ông H2), Phùng Đình H1, Phùng Văn H3, Phùng Thị H4, Phùng Công H, Phùng Như H5 và Phùng Thị H6 (con ông H2) đều thống nhất lập Văn bản phân chia di sản thừa kế, theo đó các đồng thừa kế của ông H2 thống nhất giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất tại thửa đất nói trên cho bà Nguyễn Thị L được hưởng toàn bộ. Sau đó ngày 02/10/2014 bà Nguyễn Thị L đã lập hợp đồng tặng cho ông Phùng Công H toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất nói trên. Ngày 22 tháng 6 năm 2015 UBND huyện Q đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BY 183362 cho ông Phùng Công H, tuy nhiên nội dung trong Giấy chứng nhận QSD đất ghi số hiệu thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 và sơ đồ thửa đất không đúng với thực tế với bản đồ giải thửa 299, bản đồ địa chính năm 2010, bản đồ địa chính năm 2022 và sổ đăng ký ruộng đất đã cấp nhằm sang thửa đất số 304, tờ số 11 nay là thửa số 148, tờ số 66 xã V do ông H1 đứng tên. Vì vậy, việc ông Phùng công H khởi kiện tranh chấp QSD đất là có căn cứ, cần được chấp nhận. Công nhận thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 nay là thửa số 182, tờ bản đồ

số 66 xã V, huyện Q thuộc quyền quản lý sử dụng của ông Phùng Công H và thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11 nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 66 xã V, huyện Q thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Phùng Đình H1 và bà Lê Thị T2 theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành E 670051 do UBND huyện Q cấp ngày 01/7/1995.

2.2. Xem xét yêu cầu khởi kiện tuyên hủy giấy chứng nhận QSD đất số BY183362 do UBND huyện Q cấp ngày 22/6/2015 tại thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66, xã V đứng tên Phùng Công H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Công văn số 1326/UBND-TNMT ngày 31/10/2024 UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình và Công văn số 167/CNVPĐK ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Q thì thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 (bản đồ giải thửa) diện tích 500m², tương ứng với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính năm 2010), diện tích 1.077,9m². Tuy nhiên, trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phùng Công H, đã lập hồ sơ và đề nghị cấp đổi thửa đất số 305, tờ bản đồ số 11 (bản đồ giải thửa) sang thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính năm 2010) là không đúng vị trí thửa đất mà ông Phùng Công H đang sử dụng. Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 (bản đồ địa chính năm 2010) theo bản đồ giải thửa là thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11, đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành E 670051, ngày 01/7/1995 cho ông Phùng Đình H1 và gia đình ông H1 đã xây dựng nhà ở ổn định.

Như vậy, việc UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Phùng Công H nhằm sang thửa đất của ông Phùng Đình H1 đã được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành E 670051, ngày 01/7/1995 nay là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 66 xã V là không đúng quy định của pháp luật về đất đai và thực tế sử dụng đất của các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Công H: Hủy Giấy chứng nhận QSD đất số BY 183362 do UBND huyện Q cấp ngày 22/6/2015, số vào sổ cấp GCN: CH 00786 đứng tên ông Phùng Công H như đề nghị của UBND huyện Q và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Các bên đương sự có trách nhiệm phối hợp, liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu, nguyên đơn ông Phùng Công H được nhận lại số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng

án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005052 ngày 26/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; bị đơn ông **Phùng Đình H1** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí thẩm định: Ông **H1** đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định số tiền 5.300.000 đồng, tại phiên tòa ông **H1** tự chịu toàn bộ chi phí thẩm định, ông **H1** đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 273; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 31, 37, 49, 50, 52, 75 Luật Đất đai 2003, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 137, 236, 237 Luật Đất đai năm 2024; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Phùng Công H** về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công nhận thửa đất số 305 tờ bản đồ số 11 nay là thửa số 182, tờ bản đồ số 66 **xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** thuộc quyền sử dụng của ông **Phùng Công H**; Thửa đất số 304, tờ bản đồ số 11 nay là thửa số 148, tờ bản đồ số 66 **xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** thuộc quyền quản lý sử dụng của ông **Phùng Đình H1** và bà **Lê Thị T2** theo giấy chứng nhận QSD đất số phát hành E 670051 do **UBND huyện Q** cấp ngày 01/7/1995.

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 183362 do **UBND huyện Q** cấp ngày 22/6/2015, số vào sổ cấp GCN: CH 00786 đứng tên ông **Phùng Công H**.

Các bên đương sự có trách nhiệm phối hợp, liên hệ cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Về chi phí thẩm định: Ông **Hiệp** chịu nộp toàn bộ số tiền 5.300.000 đồng ông **H1** đã nộp đủ tại Tòa án.

4. Về án phí: Ông **Phùng Đình H1** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho ông **Phùng Công H** số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005052 ngày 26/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VP Tòa DS;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn